

Bản án số: 57/2017/KDTM-PT

Ngày 12 tháng 12 năm 2017

“V/v tranh chấp giữa người chưa là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với thành viên công ty”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Công

*Các thẩm phán:*

- Ông Đặng An Thanh

- Bà Huỳnh Thanh Duyên

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Đỗ Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Kim Đoàn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2017/TLPT-KDTM ngày 26 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với thành viên công ty.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 665/2017/KDTM-ST ngày 31/5/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 804/2017/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Hà Thị Quý N, sinh năm 1993 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 154 Trương Công Định, Phường 14, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Trần Văn K, sinh năm 1992; ĐKTT: Xã Nga Điền, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Tạm trú 162/24 Đường 4/2, Khu 5, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 04/01/2017 – BL 24, 25) – Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 517/14 Nguyễn Tri Phương, Phường 8, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Đinh Thanh M, sinh năm 1978; Thường trú tại Hòa Phước, Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; Tạm trú 47/9 E, Bùi Thị Lùng, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 04/5/2017 – BL 80, 81) – Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Cổ phần E. Địa chỉ: Số 517/14 Nguyễn Tri Phương, Phường 8, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Nguyễn Phương L1 – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần E – Có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Hà Thị Quý N.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 20/12/2016 của nguyên đơn bà Hà Thị Quý N và các lời khai tiếp theo của ông Trần Văn K đại diện cho bà Hà Thị Quý N trình bày:*

Vào ngày 02/5/2016, bà Hà Thị Quý N và ông Nguyễn Văn T ký hợp đồng số 02/052016/HĐ\_CNCP với nội dung ông Nguyễn Văn T đang sở hữu 171.500 cổ phần trị giá 1.715.000.000 đồng, chiếm 35% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần E. Bà Hà Thị Quý N nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T 24.500 cổ phần và thỏa thuận giá chuyển nhượng 24.500 cổ phần là 100.000.000 đồng. Bà Hà Thị Quý N đã thanh toán đủ tiền cho ông Nguyễn Văn T. Sau đó, bà Hà Thị Quý N tìm hiểu thì được xác nhận rằng ông Nguyễn Văn T không phải là thành viên hợp pháp của Công ty. Cụ thể như sau:

Thứ nhất: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần E thể hiện các cổ đông sáng lập gồm bà Nguyễn Phương L1 40% cổ phần, Nguyễn Kinh L2 30% cổ phần và Nguyễn Duy Thiên A 30% cổ phần. Nếu ông Nguyễn Văn T là cổ đông hợp pháp và đã nhận chuyển nhượng cổ phần từ các cổ đông còn lại thì tỷ lệ phần trăm cổ phần của các cổ đông đã được điều chỉnh tăng, giảm, nhưng hiện tại trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh trích lục cho bà Hà Thị Quý N thể hiện tỷ lệ

cổ phần của các cổ đông vẫn giữ nguyên và không có tên ông Nguyễn Văn T trong danh sách cổ đông.

Thứ hai: Cùng ngày 02/5/2016, bà Hà Thị Quý N cũng đồng thời nhận chuyển nhượng cổ phần của bà Nguyễn Phương L1 thể hiện bà Nguyễn Phương L1 sở hữu số cổ phần chiếm 65% vốn điều lệ của công ty. Như vậy, bà Nguyễn Phương L1 và ông Nguyễn Văn T sở hữu số cổ phần bằng 100% vốn điều lệ công ty. Theo quy định của pháp luật thì công ty Cổ phần phải có tối thiểu 03 cổ đông, như vậy bà Nguyễn Phương L1 và ông Nguyễn Văn T đã vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật.

Từ các lý do trên, bà Hà Thị Quý N khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Hợp đồng số 02/052016/HĐ\_CNCP ngày 02/5/2016 và buộc ông Nguyễn Văn T trả lại cho bà số tiền đã nhận 100.000.000 đồng.

*Tại bản tường trình ngày 04/4/2017 và các lời khai tiếp theo của bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Công ty Cổ phần E thành lập với 03 thành viên sáng lập là Nguyễn Phương L1 (nắm giữ 40% cổ phần), Nguyễn Kinh L2 (nắm giữ 30% cổ phần) và Nguyễn Duy Thiên A (nắm giữ 30% cổ phần).

Ngày 03/3/2016 theo quyết định của đại hội cổ đông đồng ý cho: Ông Nguyễn Kinh L2 chuyển nhượng 122.500 cổ phần (25%) cho bà Nguyễn Phương L1 và chuyển nhượng 24.500 cổ phần (5%) cho ông Nguyễn Văn T; Ông Nguyễn Duy Thiên A chuyển nhượng 73.500 cổ phần (15%) cho bà Nguyễn Thị Kim H và chuyển nhượng 73.500 cổ phần (15%) cho ông Nguyễn Văn T.

Sau khi chuyển nhượng thì danh sách cổ đông như sau: Bà Nguyễn Phương L1 nắm giữ 318.500 cổ phần (65%), ông Nguyễn Văn T nắm giữ 98.000 cổ phần (20%) và bà Nguyễn Thị Kim H nắm giữ 73.500 cổ phần (15%). Đồng thời quyết định chuyển trụ sở chính của công ty đến trụ sở mới tại 517/14 Nguyễn Tri Phương, Phường 8, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 02/5/2016, bà Nguyễn Phương L1 và ông Nguyễn Văn T có chuyển nhượng cổ phần cho bà Hà Thị Quý N, được thông qua tại Biên bản họp đại hội cổ đông ngày 24/4/2016. Sau khi chuyển nhượng thì cổ đông công ty có tỷ lệ góp vốn như sau: Bà Nguyễn Phương L1 nắm giữ 269.500 cổ phần (55%), Bà Hà Thị Quý N nắm giữ 73.500 cổ phần (15%), ông Nguyễn Văn T nắm giữ 73.500 cổ phần (15%) và bà Nguyễn Thị Kim H nắm giữ 73.500 cổ phần (15%).

Đích thân ông Nguyễn Văn T đến Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh để hỏi rõ một lần nữa về việc thay đổi cổ đông thì cũng được trả lời chỉ cần đăng ký thay đổi tỷ lệ cổ phần giảm (không thay đổi tỷ lệ cổ phần tăng) của cổ đông sáng lập, nên khi nhận được Giấy xác nhận về thay đổi nội dung đăng ký

Doanh nghiệp ngày 03/3/2017 cũng chỉ xác nhận thay đổi tỷ lệ cổ phần của cổ đông sáng lập của bà Nguyễn Phương L1 là 40% (dù thực tế là 55%), Nguyễn Kinh L2 0% và Nguyễn Duy Thiên A 0%.

Có thể bà Hà Thị Quý N đã hiểu sai về quy định của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, ông Nguyễn Văn T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Quý N.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 665/2017/KDTM-ST ngày 31/5/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 3, Điều 30; điểm a, khoản 1, Điều 39 và khoản 1, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm b, khoản 1, Điều 100; Điều 221; khoản 1, 2 Điều 126 Luật Doanh nghiệp; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Quý N về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng số 02/052016/HĐ\_CNCP ngày 02/5/2016 và buộc ông Nguyễn Văn T trả lại cho bà 100.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/6/2017, nguyên đơn bà Hà Thị Quý N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng số 02/052016/HĐ\_CNCP ngày 02/5/2016 và buộc ông Nguyễn Văn T trả lại cho bà 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Nguyễn Văn K đại diện cho bà Hà Thị Quý N giữ nguyên kháng cáo vì ông T không chứng minh được ông T sở hữu 35% cổ phần. Tại phiên tòa này, bà L1 xác định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì Công ty Cổ phần E thì thành viên sáng lập chỉ còn có một mình bà L1, vậy bà H lấy tư cách gì ủy quyền cho ông T đại diện cổ phần? Do đó, yêu cầu hủy hợp đồng số 02/052016/HĐ\_CNCP ngày 02/5/2016 và buộc ông Nguyễn Văn T trả lại cho bà N 100.000.000 đồng.

Ông Đinh Thanh M đại diện cho ông Nguyễn Văn T trình bày ông T đã nhận chuyển nhượng của 02 người bằng 20% cổ phần và được bà H ủy quyền đại diện 15% cổ phần. Tổng cộng ông T có 35% cổ phần của Công ty. Do đó, không đồng ý kháng cáo của bà Hà Thị Quý N và đề nghị bác kháng cáo của bà N.

Bà Nguyễn Phương L1 đại diện cho Công ty Cổ phần E xác định ông Nguyễn Văn T có 35% cổ phần vào thời điểm ông T chuyển nhượng cổ phần cho bà N.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xem xét đơn kháng cáo của bà N còn trong hạn luật định nên đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm. Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện vào thời điểm chuyển nhượng cổ phần cho bà N thì ông T là chủ sở hữu 20% cổ phần và đại diện cho 15% cổ phần của bà Nguyễn Thị Kim H. Tổng cộng ông T có quyền quyết định đối với 35% cổ phần của Công ty. Việc ông T chuyển nhượng cổ phần cho bà N đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Do đó, kháng cáo của bà N không có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà N và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Đơn kháng cáo của bà Hà Thị Quý N còn trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết phúc thẩm.

[2] Công ty Cổ phần E được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 07/11/2014 với 03 thành viên sáng lập là Nguyễn Phương L1 sở hữu 196.000 cổ phần (chiếm 40% vốn điều lệ); Nguyễn Kinh L2 và Nguyễn Duy Thiên A mỗi người sở hữu 147.000 cổ phần (chiếm 30% vốn điều lệ).

Đại hội đồng cổ đông ngày 03/3/2016 đã đồng ý cho: Ông Nguyễn Kinh L2 chuyển nhượng 122.500 cổ phần (25%) cho bà Nguyễn Phương L1 và chuyển nhượng 24.500 cổ phần (5%) cho ông Nguyễn Văn T; Ông Nguyễn Duy Thiên A chuyển nhượng 73.500 cổ phần (15%) cho bà Nguyễn Thị Kim H và chuyển nhượng 73.500 cổ phần (15%) cho ông Nguyễn Văn T. Các bên có liên quan đã thực hiện việc chuyển nhượng cổ phần cho nhau theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 03/3/2016 bằng các hợp đồng chuyển nhượng ngày 03/3/2016. Sau khi chuyển nhượng thì danh sách cổ đông như sau: Bà Nguyễn Phương L1 nắm giữ 318.500 cổ phần (65%), ông Nguyễn Văn T nắm giữ 98.000 cổ phần (20%) và bà Nguyễn Thị Kim H nắm giữ 73.500 cổ phần (15%). Tại văn bản ngày 28/4/2016, bà Nguyễn Thị Kim H ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T được quyền đại diện vốn toàn bộ số cổ phần của bà H. Do vậy, kể từ ngày 28/4/2016 ông T vừa sở hữu số cổ phần tương đương 20% vốn điều lệ, vừa đại diện số cổ phần tương đương 15 % vốn điều lệ. Tổng cộng, ông T sở hữu và đại diện cho số cổ phần tương đương 35% vốn điều lệ.

Đại hội đồng cổ đông ngày 28/4/2016 đã đồng ý cho ông Nguyễn Văn T chuyển nhượng 24.500 cổ phần (chiếm 5% vốn điều lệ) cho bà Hà Thị Quý N.

Ngày 02/5/2016, ông Nguyễn Văn T ký hợp đồng số 02/052016/HĐ\_CNCP chuyển nhượng cho bà Hà Thị Quý N 24.500 cổ phần.

[3] Đối với kháng cáo của bà Hà Thị Quý N, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

3.1. Việc chuyển nhượng cổ phần giữa các cổ đông sáng lập và giữa cổ đông sáng lập chuyển nhượng cổ phần cho bà Hà Thị Quý N (là người không phải là cổ đông sáng lập) đã nêu trên đều được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, đã tuân thủ đúng theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 119, Điều 126 Luật Doanh nghiệp.

3.2. Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 03/3/2016 và hợp đồng chuyển nhượng thì bà Nguyễn Kim H đã nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Duy Thiên A 73.500 cổ phần (15%). Do đó, bà H có quyền ủy quyền cho ông T thực hiện quyền của chủ sở hữu 15% cổ phần của bà.

3.3. Vào thời điểm ông Nguyễn Văn T chuyển nhượng cổ phần cho bà Hà Thị Quý N ngày 02/5/2016 thì ông T vừa sở hữu số cổ phần tương đương 20% vốn điều lệ, vừa đại diện số cổ phần tương đương 15 % vốn điều lệ. Tổng cộng, ông T sở hữu và đại diện cho số cổ phần tương đương 35% vốn điều lệ và tại thời điểm trước khi chuyển nhượng cổ phần cho bà N thì Công ty Cổ phần E có ba thành viên là bà Nguyễn Phương L1, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim H. Do vậy, việc bà Hà Thị Quý N kháng cáo cho rằng vào thời điểm ông T chuyển nhượng cổ phần cho bà thì ông T không có 35% cổ phần, Công ty Cổ phần E chỉ có hai thành viên và ông Nguyễn Văn T không phải là cổ đông hợp pháp của Công ty là không có cơ sở.

3.4. Xét kháng cáo của bà Hà Thị Quý N về việc bà không có tên trong danh sách thành viên của Công ty Cổ phần E. Hội đồng xét xử nhận thấy tại Điều 32 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều 51 Nghị định 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ quy định doanh nghiệp chỉ phải thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh khi có sự thay đổi cổ đông sáng lập. Bà N chỉ là cổ đông của công ty (người nhận chuyển nhượng cổ phần), không phải là cổ đông sáng lập nên không có tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty là đúng quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 121 và 126 Luật Doanh nghiệp thì người nhận cổ phần trở thành cổ đông của công ty kể từ thời điểm các thông tin của họ được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông. Ngày 05/5/2016, Công ty Cổ phần E đã cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho bà Hà Thị Quý N với số lượng 73.500 cổ phần (Do bà Hà Thị Quý N có mua của thành viên sáng lập khác của Công ty với số lượng 49.000 cổ phần), nên việc bà N cho rằng bà không được Công ty Cổ phần E thừa nhận bà là cổ đông của Công ty cũng là không đúng.

Từ các vấn đề đã nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Hà Thị Quý N, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Do không được chấp nhận kháng cáo nên bà Hà Thị Quý N phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, trách nhiệm thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các điều 32, 110, 119, 121 và Điều 126 của Luật Doanh nghiệp; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Không chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thị Quý N; Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 665/2017/KDTM-ST ngày 31/5/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Không chấp nhận khởi kiện của bà Hà Thị Quý N yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/052016/HĐ\_CNCP ngày 02/5/2016 và yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T trả lại cho bà 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*).

[3] Buộc bà Hà Thị Quý N phải nộp án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) và được khấu trừ tạm ứng án phí bà N đã nộp 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số 0047022 ngày 27/6/2017 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, trách nhiệm thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- Tòa án nhân dân TP.HCM (1);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- Các đương sự (5);
- Lưu VP (3), DS (2), (15b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Công**







